

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-PT
Ngày 02 tháng 02 năm 2021
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Tuấn Anh;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Sự, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2020/TLPT-HNGĐ ngày 17/12/2020 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2021/QĐPT-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ngân hàng TMCP B (B) Chi nhánh Bắc Ninh (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

2. Ông Nguyễn Thọ Đ, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu Y, phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Trần Thị H1, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số N, phường S, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

4. Anh Đào Ngọc T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Xóm BB, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Thu H có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường V, thành phố B vào ngày 28/8/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng bố mẹ anh tại phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị H thường xuyên bỏ nhà đi tham gia các hội hè và không quan tâm đến gia đình, chồng con. Vợ chồng sống ly thân 02 năm nay. Nay, xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Thu H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ sinh ngày 04/7/2004 và cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2007. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng vợ chồng và ông bà nội. Ly hôn, anh có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Anh làm nghề xây dựng, thu nhập mỗi tháng hơn 10.000.000 đồng nên anh có đủ điều kiện để chăm sóc tốt cho các cháu.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh có tài sản chung là thửa đất số: 54 tờ bản đồ 48, diện tích 81m² tại phường K, thành phố B, đất đứng tên anh và chị H. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng dành dụm được và vay Ngân hàng TMCP B Bắc Ninh. Ngoài ra vợ chồng còn có 01 Ki ốt bán hàng tại chợ V, hiện nay chị H đang kinh doanh và số tiền 60.000.000 đồng chị H đang quản lý, đây là tiền cho thuê nhà trọ. Vợ chồng ly hôn, đối với thửa đất số: 54 tờ bản đồ 48, diện tích 81m² tại phường K, thành phố B và số tiền 60.000.000 đồng anh đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Đối với ki ốt chợ, anh xác định toàn bộ số tiền đầu tư để mua và kinh doanh là do vợ chồng vay của Ngân hàng B bằng khoản vay 300.000.000 đồng, nên anh đồng ý để chị H được toàn quyền quản lý cửa hàng và có trách nhiệm trả cho Ngân hàng B số nợ 300.000.000 đồng nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về công nợ: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh có vay của bà Trần Thị H1 150.000.000 đồng, vay của ông Nguyễn Thọ Đ 200.000.000 đồng, vay của anh Đào Ngọc T 100.000.000 đồng và vay của Ngân hàng B Bắc Ninh 800.000.000 đồng, hiện nay đã trả còn lại số nợ gốc Ngân hàng là 550.000.000 đồng. Đối với những khoản nợ này là nợ chung của vợ chồng, anh đề nghị chia đôi số nợ và mỗi người có trách nhiệm trả một nửa số nợ trên.

Đối với khoản nợ vay 300.000.000 đồng vay của ngân hàng B để đầu tư kinh doanh và mở cửa hàng tại Ki ốt chợ V vợ chồng thỏa thuận hiện chị H đang quản lý cửa hàng nên có trách nhiệm trả nợ, vì vậy anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Chị xác nhận quan hệ hôn nhân như anh K trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung cùng gia đình anh K tại phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hoà thuận, hạnh phúc. Khoảng đầu năm 2018, vợ chồng bất đồng quan điểm, nguyên nhân do anh K có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng lại ghen tuông vô lý với

chị. Vợ chồng sống ly thân khoảng 2 năm nay không ai quan tâm đến ai. Nay, Kha làm đơn xin ly hôn, chị cho anh K suy nghĩ lại, nếu anh K nghĩ đến con thì chị cho anh cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nuôi dạy con cái trưởng thành. Còn nếu anh K vẫn nhất định xin ly hôn thì chị cũng đồng ý ly hôn anh K.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung như anh K trình bày là đúng. Hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị và ông bà nội. Nếu vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi cả hai cháu và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị có đủ điều kiện nuôi dưỡng và chăm sóc tốt cho các cháu. Hiện tại, chị bán hàng tạp hóa, mỗi tháng thu nhập khoảng 10.000.000 đồng. Trong trường hợp nếu chỉ được nuôi 01 cháu thì chị xác định các cháu đều là con và chị phải có trách nhiệm chung nên Tòa án giao cho chị nuôi cháu nào chị cũng đồng ý.

Về tài sản: Vợ chồng chị có tài sản chung là thửa đất số: 54 tờ bản đồ 48 diện tích 81m² tại phường K, thành phố B, đất đứng tên vợ chồng chị. Nguồn gốc thửa đất là do vợ chồng dành dụm được tiền và một phần vay Ngân hàng Thương mại cổ phần B Bắc Ninh 800.000.000 đồng để mua. Ngoài ra, vợ chồng còn có 01 Ki ốt bán hàng tại chợ V, hiện nay chị đang quản lý và kinh doanh. Đối với số tiền cho thuê nhà trọ 60.000.000 đồng, anh K yêu cầu chia, chị xác định số tiền này chị đã chi tiêu sinh hoạt trong gia đình và cho các con đi du lịch hết, hiện nay không còn nên không đồng ý chia như ý kiến của anh K.

Vợ chồng ly hôn, đối với thửa đất số: 54 tờ bản đồ 48 có diện tích 81m² tại phường K, thành phố B, chị đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Theo kết quả định giá tài sản là 2.721.000.000 đồng, chị thấy thấp so với giá thị trường vì có người trả chị 2.800.000.000 đồng. Nếu anh K đồng ý giá đất là 2.800.000.000 đồng thì để anh K lấy đất và trích trả chênh lệch tài sản cho chị bằng tiền, còn trường hợp nếu anh K không đồng ý với giá như chị đưa ra và chỉ chấp nhận giá theo kết quả định giá thì chị xin được lấy đất và chị sẽ có trách nhiệm trích trả chênh lệch cho anh K.

Đối với khoản vay của Ngân hàng B số tiền 800.000.000 đồng, đã trả gốc và lãi, hiện nay số tiền gốc còn lại là 550.000.000 đồng chị xác định đây là nợ chung của vợ chồng, vay để mua đất, chị đồng ý chia đôi số nợ này.

Đối với khoản vay của Ngân hàng B Bắc Ninh số tiền 300.000.000 đồng, chị xác định vợ chồng vay để đầu tư kinh doanh cửa hàng tại Ki ốt chợ V nên chị sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Tuy nhiên, số tiền đầu tư vào cửa hàng chỉ khoảng 260.000.000 đồng vì trước đó vợ chồng đã có khoảng 20.000.000 đồng, số tiền còn lại khoảng 40.000.000 đồng anh K đang cầm nên anh K phải có trách nhiệm trả cho chị để chị trả nợ cho Ngân hàng.

Đối với số nợ anh K vay của bà Trần Thị H1 150.000.000 đồng, vay của ông Nguyễn Thọ Đ 200.000.000 đồng, của anh Đào Ngọc T 100.000.000 đồng. Chị xác định các khoản nợ này anh K vay chị không biết, chị cũng không ký giấy vay, bản thân chị cũng không biết ông Tân, ông Đức hay bà H1 là ai nên chị không có trách nhiệm trả nợ cùng anh K. Anh K là người vay thì anh K phải có trách nhiệm trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bắc Ninh: Xác nhận vợ chồng ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Thu H có vay của Ngân hàng 02 khoản nợ như anh K, chị H trình bày là đúng. Đối với khoản vay 800.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 109/2017/10518549/HĐTD ngày 04/12/2017, anh K chị H đã trả một phần gốc và tiền lãi còn nợ số tiền gốc là 550.000.000 đồng. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số: 077/2017/10518549/HĐTD ngày 20/02/2020, các bên vẫn đang thực hiện hợp đồng và chưa đến kỳ trả nợ. Cả hai khoản vay này anh K và chị H đều không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên Ngân hàng không yêu cầu anh K, chị H phải có trách nhiệm thanh toán trong vụ án này. Nếu sau này các bên vi phạm nghĩa vụ thì Ngân hàng sẽ khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thọ Đ trình bày: Do có quan hệ làm ăn nên ngày 03/12/2018 ông có cho anh Nguyễn Văn K vay số tiền 100.000.000 đồng. Ngày 10/6/2020 ông tiếp tục cho anh K vay 100.000.000 đồng. Khi vay anh K nói vay để trả lãi Ngân hàng vì trước đó anh K vay để mua đất. Khi cho vay anh K có viết giấy vay, không thỏa thuận lãi suất và chỉ cam kết khi nào tôi cần, anh K sẽ trả, khi vay chỉ có ông và anh K trực tiếp trao đổi với nhau mà không có sự chứng kiến của chị H. Tuy nhiên, việc vay tiền là do anh K vay để trả tiền mua đất nên ông chắc chắn chị H có biết việc vay này. Nay vợ chồng anh K ly hôn, ông đề nghị vợ chồng anh K và chị H phải có trách nhiệm trả cho ông số tiền đã vay, ông chỉ yêu cầu trả số nợ gốc. Về lãi suất ông không yêu cầu.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Đào Ngọc T trình bày: Do có quan hệ bạn bè thân thiết nên ngày 05/12/2019 anh cho cho anh Nguyễn Văn K vay 100.000.000 đồng. Anh K nói vay để trả nợ Ngân hàng. Khi vay hai bên có viết giấy vay nhưng không thỏa thuận lãi suất, anh K ký giấy vay nợ, chị H không tham gia cùng. Nay anh K và chị H ly hôn, anh đề nghị anh K phải có trách nhiệm trả anh số nợ trên và không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H1 trình bày: Bà là thím dâu của vợ chồng anh K, chị H. Ngày 03/6/2018 bà có cho anh K vay số tiền 70.000.000 đồng. Ngày 05/6/2019, bà cho Kha vay thêm 80.000.000 đồng. Mục đích anh K vay để trả tiền Ngân hàng. Khi cho vay bà và anh K có viết giấy vay, anh K là người ký, hẹn đến khi nào bà cần tiền thì anh K sẽ trả. Nay vợ chồng anh K chị H ly hôn, bà đề nghị Tòa án buộc anh K phải trả cho bà 150.000.000 đồng. Về lãi suất không yêu cầu.

Từ những nội dung trên, Tòa án nhân dân thành phố B đã căn cứ vào các Điều 33, 51, 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 227, 235, 264, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04/7/2004 cho anh Nguyễn Văn K nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu H nuôi cháu

Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2007. Các đương sự không yêu cầu. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Văn K được quản lý sử dụng thửa đất số: 54, tờ bản đồ 48, diện tích 81m² tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Anh K có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có đủ điều kiện.

4. Về công nợ: Anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng B Chi nhánh Bắc Ninh số nợ 550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 109/2017/10518549/HĐTD ngày 04/12/2017. Trả bà Trần Thị H1 150.000.000 đồng. Trả anh Đào Ngọc T 100.000.000 đồng. Trả ông Nguyễn Thọ Đ 200.000.000 đồng và có nghĩa vụ trích trả chênh lệch cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 860.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K yêu cầu chia số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 10 tháng 11 năm 2020, bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H kháng cáo Bản án sơ thẩm: Chị không chấp nhận việc trả khoản nợ do anh K tự vay của bà H1, anh Tân và ông Đức. Đối với khoản vay 300.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP B Bắc Ninh, chị đề nghị chia khoản nợ này theo quy định.

Ngày 12 tháng 11 năm 2020, nguyên đơn anh Nguyễn Văn K kháng cáo Bản án sơ thẩm: Anh đề nghị cấp phúc thẩm xem xét cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung và đề nghị chấp nhận yêu cầu chia số tiền 60.000.000 đồng thuê nhà trọ mà chị H là người quản lý.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Nguyễn Văn K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị cấp phúc thẩm xem xét chia số tiền 60.000.000 đồng chị H quản lý; anh K chỉ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung; nhất trí với các quyết định khác của Bản án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Vợ chồng vay của Ngân hàng B (B) Chi nhánh Bắc Ninh 800.000.000 đồng, chị đã đưa tiền cho anh K trả gốc và lãi, hiện chỉ còn nợ 550.000.000 đồng, chị đề nghị anh K và chị mỗi người phải trả 1/2 khoản nợ này; anh K khai vay tiền của ông Đức, bà H1 và ô anh Tân để trả Ngân hàng là không đúng. Anh Nguyễn Văn K không thừa nhận lời trình bày của chị H về việc đưa tiền cho anh để trả Ngân hàng, tiền trả Ngân hàng là do anh vay của ông Đức 200.000.000 đồng, bà H1 150.000.000 đồng và anh Tân 100.000.000 đồng để trả gốc và lãi cho Ngân hàng, đề nghị Tòa án buộc chị H phải có trách nhiệm trả 1/2 số nợ vay của những người nêu trên.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử

ngợi án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh K và chị H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H trong thời hạn luật định nên được xem xét.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Thu H đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để triệu tập những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị H1, ông Đào Ngọc T, ông Nguyễn Thọ Đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều đã được triệu tập hợp lệ. Ngân hàng TMCP B (B) Chi nhánh Bắc Ninh vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án; ông Nguyễn Thọ Đ, bà Trần Thị H1 và anh Đào Ngọc T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin xử vắng mặt và cũng đã có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Xét thấy, sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng tới việc giải quyết đúng đắn vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung. Đề nghị hoãn phiên tòa của chị H không được chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H đăng ký kết hôn ngày 28/8/2003 tại UBND phường V, thành phố B. Trước khi kết hôn, anh K và chị H đã tự nguyện tìm hiểu và tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, anh K và chị H thường phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng không có tiếng nói chung. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh K giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị H đồng ý ly hôn. Do vậy, Bản án sơ thẩm đã công nhận sự thuận tình ly hôn của anh K và chị H. Các đương sự không kháng cáo nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh K, chị H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04/7/2004 và cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2007. Hiện nay các cháu đang ở cùng bố mẹ và ông bà nội tại khu P, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Bản án sơ thẩm quyết định giao cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04/7/2004 cho anh Nguyễn Văn K nuôi dưỡng; chị Nguyễn Thị Thu H nuôi cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2007. Anh K kháng cáo đề nghị cho anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con chung, vì anh cho rằng chị H không có chỗ ở, thu nhập không ổn định. Tuy nhiên, anh K không chứng minh được lời trình bày của mình là có căn cứ, nên kháng cáo của anh K về phần con chung không được chấp nhận. Quyết định của Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

[3] Về tài sản chung: Các đương sự không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đối với khoản vay 150.000.000 đồng của bà Trần Thị H1, 100.000.000 đồng của anh Đào Ngọc T và 200.000.000 đồng của ông Nguyễn Thọ Đ: Bản án sơ thẩm xác định khoản vay này là nợ chung của vợ chồng và buộc anh K, chị H mỗi người phải có nghĩa vụ trả 1/2 khoản nợ này. Chị H kháng cáo, không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm. Chị cho rằng khoản vay này là nợ riêng của anh K do một mình anh K vay, chị không được biết, không ký vào giấy vay nợ nên chị xác định đây không phải là nợ chung của vợ chồng. Chị chỉ xác nhận nợ chung của vợ chồng là khoản vay 800.000.000 đồng của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bắc Ninh để mua đất, khoản nợ này đã trả một phần còn lại nợ gốc là 550.000.000 đồng và khoản vay 300.000.000 đồng cũng của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bắc Ninh, khoản vay này vợ chồng vay để đầu tư vào ki ốt bán hàng mà chị đang quản lý.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự đều thể hiện anh K là người trực tiếp trả một phần khoản nợ và lãi hàng tháng đối với các khoản vay của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bắc Ninh. Tại phiên tòa phúc thẩm, chị H cho rằng chị có đưa tiền cho anh K trả một phần nợ và lãi của Ngân hàng, điều này mâu thuẫn với lời trình bày trước đó tại phiên tòa sơ thẩm, rằng anh K là người kiếm tiền để trả nợ Ngân hàng, còn chị lo sinh hoạt trong gia đình (bút lục 154). Tuy nhiên, ngoài lời trình bày của mình chị H không chứng minh được số tiền do anh K trực tiếp trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc của Ngân hàng là tiền do chị đưa cho anh K để trả nợ. Cấp sơ thẩm nhận định, trong các bản sao kê của Ngân hàng tương ứng với thời điểm anh K trả lãi hàng tháng và một phần nợ gốc của Ngân hàng TMCP B chi nhánh Bắc Ninh thì có các khoản tiền trùng tương đối với các khoản tiền mà anh K vay của bà H1, anh Tân, ông Đức. Ngoài ra, những người liên quan là bà H1, anh Tân, ông Đức đều xác nhận mục đích cho anh K vay là để trả nợ Ngân hàng. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định khoản nợ đối với bà H1, anh Tân, ông Đức là nợ chung của hai vợ chồng và buộc anh K, chị H mỗi người phải có trách nhiệm trả 1/2 khoản nợ trên là có căn cứ. Kháng cáo của chị H là không có căn cứ, nên không được chấp nhận, quyết định của Bản án sơ thẩm cần được giữ nguyên.

[5] Đối với khoản vay 300.000.000 đồng của ngân hàng TMCP B, cả anh K và chị H đều xác nhận đây là nợ chung của vợ chồng. Chị H kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm chia đều khoản nợ này theo quy định. Tuy nhiên, đối với khoản nợ này do ở cấp sơ thẩm anh K không yêu cầu nên cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết; do vậy, cấp phúc thẩm không xem xét. Các bên có thể tự thỏa thuận về việc phân chia và nghĩa vụ trả nợ, nếu phát sinh tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6] Đối với số tiền 60.000.000 đồng có được do cho thuê nhà mà anh K cho rằng chị H đang quản lý sử dụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh K rút yêu cầu về việc chia khoản nợ này. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

[8] Do kháng cáo của anh K, chị H không được chấp nhận, nên anh K, chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 289, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định:

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo anh Nguyễn Văn K về việc chia số tiền 60.000.000 đồng;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số:06/2020/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng các Điều 33, 51, 55, 58, 59, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, 148, 227, 235, 264, 266, 267 và Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn K và chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 04/7/2004 cho anh Nguyễn Văn K nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị Thu H nuôi cháu Nguyễn Thành C, sinh ngày 31/10/2007. Cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu. Hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản: Giao cho anh Nguyễn Văn K được quản lý sử dụng thửa đất số: 54, tờ bản đồ 48, diện tích 81m² tại phường K, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Anh K có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi có đủ điều kiện.

4. Về công nợ: Anh Nguyễn Văn K có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng TMCP B Chi nhánh Bắc Ninh số nợ 550.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số: 109/2017/10518549/HĐTD ngày 04/12/2017; trả bà Trần Thị H1 150.000.000 đồng; trả anh Đào Ngọc T 100.000.000 đồng; trả ông Nguyễn Thọ Đ 200.000.000 đồng và có nghĩa vụ trích trả chênh lệch cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 860.500.000 đồng.

Không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn K về việc chia số tiền 60.000.000 đồng.

5. Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm trả anh Nguyễn Văn K số tiền 3.000.000 đồng.

Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 8.000.000 đồng tiền định giá lại tài sản. Xác nhận chị H đã nộp đủ.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 37.815.000 đồng án phí chia tài sản, 24.000.000 đồng án phí giải quyết công nợ và phải chịu 3.000.000 đồng tiền án phí đối với yêu cầu không được chấp nhận. Xác nhận anh Nguyễn Văn K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2019/0000381 ngày 06/7/2020 và 14.700.000

đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai số: AA/2019/0000382 ngày 06/7/2020 cùng của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 37.815.000 đồng tiền án phí chia tài sản và 24.000.000 đồng án phí giải quyết công nợ.

- Hoàn trả anh Đào Ngọc T 2.500.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0000440 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Hoàn trả ông Nguyễn Thọ Đ 5.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0000450 ngày 31/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Hoàn trả bà Trần Thị H1 3.750.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0000439 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Anh Nguyễn Văn K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh K đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0000674 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

- Chị Nguyễn Thị Thu H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số: AA/2019/0000664 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì còn phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- UBND phường V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp